

Bản án số: 105/2019/DS-ST  
Ngày: 15 - 7 - 2019  
“*V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CP, TỈNH AN GIANG**

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Trần Thị Ngọc Mỹ.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông Lý Khắc Chung;

Ông Đỗ Sơn Hùng.

*Thư ký phiên tòa:* Bà Ngô Thái Trân là Thư ký Tòa án nhân dân huyện CP, tỉnh An Giang.

Ngày 04 tháng 7 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện CP xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 50/2019/TLST – DS ngày 08 tháng 3 năm 2019 về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 86/2019/QĐXXST-DS ngày 15 tháng 5 năm 2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:*

Bà Lê Thị Kim C, sinh năm 1983. (Có mặt).

Nơi cư trú: Ấp BH, thị trấn CD, huyện CP, tỉnh An Giang.

- *Bị đơn:*

Ông Lê Công Th, sinh năm 1985.

Bà Nguyễn Thị Hồng Nh, sinh năm 1985.

Cùng trú tại: Ấp BH, xã BL, huyện CP, tỉnh An Giang.

Ông Th, bà Nh vắng mặt tại phiên tòa.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Tại đơn khởi kiện đề ngày 25/02/2019 và trong quá trình xét xử nguyên đơn bà Lê Thị Kim C trình bày: Ngày 27/6/2018 (âm lịch) bà Kim C cho ông Th, bà Nh vay 40.000.000đ, lãi suất thỏa thuận 5%/tháng, có làm biên nhận, khi vay ông Th, bà Nh có thể chấp cho bà C 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS07657 do Sở Tài

nguyên và Môi trường tỉnh An Giang cấp ngày 23/7/2018 do ông Lê Công Th đứng tên. Sau khi vay ông Th, bà Nh đóng lãi được 2.000.000đ thì ngưng cho đến nay, bà C nhiều lần đến yêu cầu trả nợ nhưng ông Th bà Nh cứ hẹn và trốn tránh. Nay bà C yêu cầu ông Th, bà Nh liên đới trả số nợ 40.000.000đ, không yêu cầu tính lãi.

Các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp chứng minh cho ý kiến, yêu cầu của mình: Phô tô giấy nhận nợ ngày 27/6/2018 (âm lịch), phô tô giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Tại bản tự khai của bị đơn ông Th, bà Nh trình bày: Ông Th, bà Nh có vay của bà Kim C số tiền 40.000.000đ và thế chấp 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS07657 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh An Giang cấp ngày 23/7/2018 do ông Lê Công Th đứng tên, sau khi vay có đóng lãi được 04 tháng số tiền là 4.000.000đ, do gặp khó khăn nên xin trả dần, lãi suất đóng theo quy định của pháp luật. Tại biên bản không tiến hành hòa giải được ngày 25/4/2019, ông Th thống nhất còn nợ bà C 40.000.000đ vốn, xin trả dần mỗi tháng 2.000.000đ, tiền lãi đã đóng 4.000.000đ không có chứng cứ chứng minh nên không yêu cầu Tòa án xem xét.

Tại phiên tòa, bà C giữ nguyên yêu cầu khởi kiện yêu cầu ông Th, bà Nh liên đới trả nợ vốn 40.000.000đ đủ một lần, không đồng ý cho trả dần, không yêu cầu tính lãi.

Ông Th vắng mặt tại phiên tòa, bà Nh có đơn xin vắng mặt hòa giải, xét xử.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

- Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Bà C yêu cầu ông Th, bà Nh trả số tiền vay theo giấy nhận nợ ngày 27/6/2018 (âm lịch). Do đó, quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án này là “Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản” được quy định tại Điều 463 của Bộ luật dân sự 2015 và khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Về thẩm quyền giải quyết: Ông Th, bà Nh thường trú tại ấp BH, xã BL, huyện CP, tỉnh An Giang. Bà C khởi kiện tại Tòa án nhân dân huyện CP thụ lý, giải quyết là đúng với quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Bị đơn ông Th đã được Tòa án triệu tập xét xử hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do, bà Nh có đơn xin xét xử vắng mặt, nguyên đơn yêu cầu xét xử

vắng mặt bị đơn, nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về hợp đồng vay tài sản:

Bà C yêu cầu ông Th, bà Nh liên đới trả số tiền vốn 40.000.000đ, không yêu cầu tính lãi, chứng cứ chứng minh là biên nhận nợ ngày 26/7/2018 (âm lịch). Quá trình giải quyết vụ án thấy rằng bà C và vợ chồng ông Th bà Nh do quen biết, vợ chồng ông Th cần vốn để mua bán nên vay tiền của bà C và thế chấp cho bà C 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS07657 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh An Giang cấp ngày 23/7/2018 do ông Lê Công Th đứng tên, hai bên thỏa thuận lãi suất 5%/tháng và có làm biên nhận nợ. Sau khi vay, ông Th bà Nh thực hiện đóng lãi một thời gian thì ngưng không đóng lãi, trả vốn cho bà C, bà C khởi kiện yêu cầu ông Th bà Nh trả nợ vay là có cơ sở.

Quá trình giải quyết vụ án, lời khai của đương sự trong hồ sơ vụ án và lời trình bày của nguyên đơn tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xác định việc vay giữa các đương sự có xảy ra và hoàn toàn tự nguyện và phù hợp với quy định của pháp luật. Ông Th, bà Nh vi phạm nghĩa vụ trả nợ vay đối với hợp đồng vay tài sản quy định tại Điều 463 Bộ luật dân sự năm 2015, do đó Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà C, buộc ông Th và bà Nh cùng có trách nhiệm liên đới trả cho bà C số tiền vốn 40.000.000đ là có cơ sở và phù hợp qui định pháp luật.

Ông Th, bà Nh xin trả dần mỗi tháng 2.000.000đ (trình bày tại bản tự khai ngày 19/3/2019) cho đến khi dứt nợ nhưng không được phía bà C đồng ý, không thuộc thẩm quyền của Hội đồng xét xử, sẽ được xem xét tại giai đoạn thi hành án.

[2.2] Về lãi suất:

Nguyên đơn xác định nhận tiền lãi của bị đơn 2.000.000đ (từ ngày 27/7 đến ngày 27/10/2018 âm lịch). Quá trình hòa giải bị đơn cho rằng đã trả lãi cho nguyên đơn được 04 tháng với số tiền là 4.000.000đ (lãi suất 5%/tháng) nhưng không có chứng cứ chứng minh và cũng không được nguyên đơn thừa nhận. Do đó Hội đồng xét xử xác định lời khai của bà C là có cơ sở và việc nhận lãi của bà C từ khi vay đến nay với số tiền 2.000.000đ là chưa vượt mức quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử không xem xét điều chỉnh lại. Tại phiên tòa, bà C không yêu cầu tính lãi suất nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Ông Th, bà Nh khi vay có thể chấp cho bà C 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS07657 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh An Giang cấp ngày 23/7/2018 do ông Lê Công Th đứng tên để đảm bảo tiền vay. Xét việc thế chấp của hai bên không lập hợp đồng thế chấp bằng văn bản có chứng thực hoặc công chứng của cơ quan có thẩm quyền và chưa được đăng ký thế chấp nên không có hiệu lực pháp luật. Do đó, bà C phải có nghĩa vụ trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Th, bà Nh.

[3] Về án phí: Ông Th, bà Nh phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Hoàn trả cho bà C tạm ứng án phí đã nộp.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ Điều 26; Điều 144; Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 266; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 463; Điều 466; Điều 469, của Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 27 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Kim C đối với ông Lê Công Th và bà Nguyễn Thị Hồng Nh về việc hợp đồng vay tài sản.

Buộc ông Lê Công Th và bà Nguyễn Thị Hồng Nh có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Lê Thị Kim C số tiền 40.000.000đ (Bốn mươi triệu đồng).

Bà Lê Thị Kim C có nghĩa vụ trả lại cho ông Lê Công Th, bà Nguyễn Thị Hồng Nh 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS07657 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh An Giang cấp ngày 23/7/2018 do ông Lê Công Th đứng tên.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan Thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

Về án phí:

- Ông Lê Công Th và bà Nguyễn Thị Hồng Nh cùng phải chịu 2.000.000đ (Hai triệu đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

- Bà Lê Thị Kim C không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn lại cho bà C số tiền 1.000.000đ (Một triệu đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0001200 ngày 08/3/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện CP.

Về quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

**Nơi nhận:**

- TAT An Giang;
- THA huyện CP;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện CP;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

**Trần Thị Ngọc Mỹ**